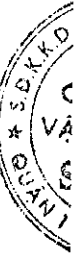


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN  
SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét  
cho kỳ tài chính 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 32

PHẦN  
THỰC  
HIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SGS và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 12 năm 2010.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông	Trần Quốc Toàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013)
Ông	Đỗ Việt Triều	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013)
Ông	Henrik N.Andersen	Phó Chủ tịch
Ông	Đỗ Ngọc Lâm	Thành viên
Ông	Lê Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013)
Ông	Đỗ Doãn Thành Công	Thành viên (từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013)
Ông	Hasse Kjaers Goard Larsen	Thành viên

### Ban kiểm soát

Ông	Phạm Hoàng Hiệp	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013)
Bà	Võ Ngọc Thủy	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Kim Chuyên	Thành viên
Bà	Huỳnh Như Ý	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Ngọc Lâm  
Ông Lê Minh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính ngoại trừ thuyết minh 8.4.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

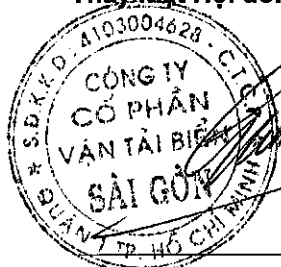
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

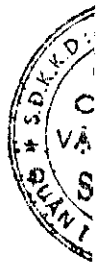
Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**Ông TRẦN QUỐC TOÀN**  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013



295  
TY  
QUẢN  
TRỊ  
AM  
PHI

Số: 103/2013/BCSX-HCM.00407

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Kính gửi: **Quý Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2013 và trình bày từ trang 6 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

**Cơ sở của công tác soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết quả của công tác soát xét**

1. Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 VND (theo Quyết định số 89/CT-KTNB ngày 4 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh). Nếu ghi nhận khoản thuế phải nộp này vào sổ sách, lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
2. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty không đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản tại ngày lập bảng cân đối kế toán với số tiền lỗ chênh lệch tỷ giá là 2.816.384.408 VND.

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

3. Như được nêu tại mục 4.6 và 4.8 – Thuyết minh báo cáo tài chính, tàu Sài Gòn Queen đã bị chìm tại khu vực phía đông của Sri Lan ka vào lúc 10 giờ 30 (giờ địa phương) ngày 30 tháng 10 năm 2012. Tổng số tiền bảo hiểm theo đơn bảo hiểm thân tàu số HCM.D40.TB.12.HD ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Hợp đồng bảo hiểm tàu biển số 40.0310.009/HĐ/BHTB.2005 ngày 26 tháng 12 năm 2005 là 4.200.000,00 USD (bốn triệu hai trăm nghìn dollar Mỹ). Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã nhận được 2 đợt bồi thường cho vụ chìm tàu Sài Gòn Queen từ Công ty Bảo Việt Sài Gòn với số tiền là 2.300.000,00 USD (hai triệu ba trăm nghìn dollar Mỹ).

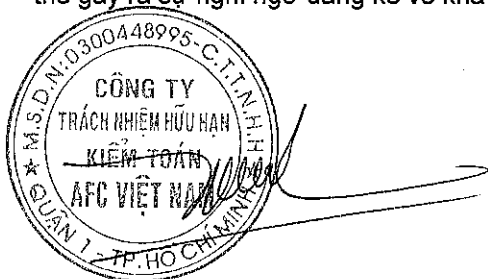
Toàn bộ giá trị còn lại và chi phí có liên quan đến tàu Saigon Queen chưa được kết chuyển vào chi phí kinh doanh trong kỳ do sự cố tàu chìm là 28.211.590.575 VND. Chi tiết như sau:

	<b>30/06/2013</b>
	<b>VND</b>
Giá trị Tàu Sài Gòn Queen	
• Nguyên giá	116.777.196.770
• Khấu hao lũy kế	(44.189.242.428)
• Kết chuyển giảm nguyên giá do tàu chìm	(48.158.000.000)
• Giá trị còn lại chưa kết chuyển	<u><b>24.429.954.342</b></u>
 Các khoản chi phí có liên quan	 <b>3.781.636.233</b>

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận kết quả nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Như đã nêu tại mục 8.5 Thuyết minh báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty: Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 20.139.197.738 VND. Điều này cho thấy có sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



**BÙI TUYẾT VÂN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN 0071-2013-009-01

**TRƯƠNG THỊ HƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN 1042-2013-009-01

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.661.518.873</b>	<b>22.386.478.950</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>15.428.960.023</b>	<b>960.419.732</b>
Tiền	111		5.428.960.023	960.419.732
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>17.283.037.625</b>	<b>10.331.111.642</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	16.015.401.348	8.175.993.189
Trả trước cho người bán	132	4.3	532.557.186	1.002.044.034
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		38.122.000	24.671.000
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	8.153.298.195	8.584.744.523
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.456.341.104)	(7.456.341.104)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>2.418.990.810</b>	<b>2.233.182.326</b>
Hàng tồn kho	141		2.418.990.810	2.233.182.326
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.530.530.415</b>	<b>8.861.765.250</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	5.674.545.678	7.618.555.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.20	196.607.994	159.393.609
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.20	30.976.076	30.976.076
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	628.400.667	1.052.840.382



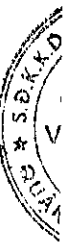
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>318.988.476.214</b>	<b>368.782.306.601</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>238.859.386.803</b>	<b>292.389.039.966</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	214.642.196.666	268.163.142.439
Nguyên giá	222		312.912.266.309	361.812.400.038
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.270.069.643)	(93.649.257.599)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.472.534.031	2.518.866.421
Nguyên giá	228		4.555.263.076	4.555.263.076
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.082.729.045)	(2.036.396.655)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	21.744.656.106	21.707.031.106
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	4.11	<b>12.106.546.230</b>	<b>12.763.175.088</b>
Nguyên giá	241		26.962.855.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14.856.309.112)	(14.199.680.254)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>63.587.591.547</b>	<b>63.587.591.547</b>
Đầu tư vào công ty con	251	4.12	9.050.000.000	9.050.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	68.359.154.439	68.359.154.439
Đầu tư dài hạn khác	258	4.14	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.15	(19.821.562.892)	(19.821.562.892)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.434.951.634</b>	<b>42.500.000</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.16	4.388.451.634	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		46.500.000	42.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>360.649.995.087</b>	<b>391.168.785.551</b>



300  
CỔ  
CHỨ  
KIỂM  
VI  
TP.1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>246.314.397.931</b>	<b>277.718.715.022</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.232.130.680</b>	<b>71.710.877.771</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.17	1.449.580.045	17.499.360.000
Phải trả cho người bán	312	4.18	23.241.743.381	21.609.640.655
Người mua trả tiền trước	313	4.19	256.717.749	526.677.398
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.20	635.096.595	549.995.381
Phải trả công nhân viên	315		984.937.153	470.031.384
Chi phí phải trả	316	4.21	19.761.197.767	15.996.519.189
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.22	13.690.557.990	15.058.653.764
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.23	212.300.000	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>186.082.267.251</b>	<b>206.007.837.251</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.24	177.954.276.188	197.879.846.188
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.25	8.127.991.063	8.127.991.063
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>114.335.597.156</b>	<b>113.450.070.529</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.26	<b>114.335.597.156</b>	<b>113.450.070.529</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.200.000.000	144.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.436.551.000	11.436.551.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.590.599.950	13.590.599.950
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.309.606.047	1.309.606.047
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(56.201.159.841)	(57.086.686.468)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>360.649.995.087</b>	<b>391.168.785.551</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		16.129.905.471	16.129.905.471
Ngoại tệ các loại (USD)		41.333,39	3.906,95
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**NGÔ HỒNG VÂN**  
Phó phòng Tài chính Đầu tư



**ĐỖ NGỌC LÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

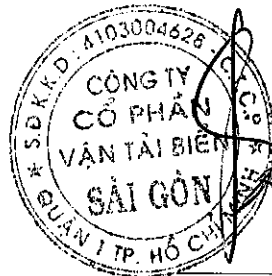
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>62.771.101.886</b>	<b>84.811.437.257</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	62.771.101.886	84.811.437.257
Giá vốn hàng bán	11	5.2	59.412.446.473	81.231.458.882
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>3.358.655.413</b>	<b>3.579.978.375</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.909.634.104	1.557.566.790
Chi phí tài chính	22	5.4	5.037.867.329	9.235.492.390
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.031.965.087</i>	<i>9.073.791.415</i>
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	2.748.815.379	3.702.319.948
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.481.606.809</b>	<b>(7.800.267.173)</b>
Thu nhập khác	31	5.6	48.189.343.123	2.711.257
Chi phí khác	32	5.7	48.508.423.305	182.895.580
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(319.080.182)</b>	<b>(180.184.323)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.162.526.627</b>	<b>(7.980.451.496)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.162.526.627</b>	<b>(7.980.451.496)</b>

**NGÔ HỒNG VÂN**  
Phó phòng Tài chính Đầu tư



**ĐỖ NGỌC LÂM**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013

30/08  
BT  
TÁ  
BI  
GÒI  
50

CT  
1/8  
MH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

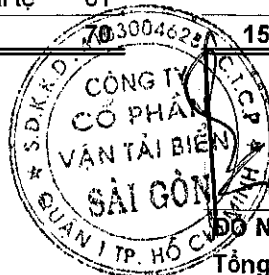
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.162.526.627	(7.980.451.496)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.058.585.658	9.096.779.909
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.895.188.940)	(1.472.094.506)
Chi phí lãi vay	06	5.031.965.087	9.073.791.415
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.357.888.432</b>	<b>8.718.025.322</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6.557.379.290)	407.696.587
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(185.808.484)	(33.911.366)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	945.567.611	739.180.933
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.444.442.129)	206.418.613
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.241.230.834)	(7.034.891.236)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	48.158.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(38.300.000)	(127.294.460)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.994.295.306</b>	<b>2.875.224.393</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(278.125.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.895.188.940	1.472.094.506
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.895.188.940</b>	<b>1.193.969.506</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.149.500.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.975.349.955)	(8.391.980.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(445.594.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(36.420.943.955)</b>	<b>(5.242.480.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>14.468.540.291</b>	<b>(1.173.286.101)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>960.419.732</b>	<b>2.368.388.143</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>		<b>15.428.960.023</b>	<b>1.195.102.042</b>

NGÔ HỒNG VÂN

Phó phòng Tài chính Đầu tư



ĐỖ NGỌC LÂM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Các chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SGS và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 12 năm 2010.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 98 người, trong đó số nhân viên quản lý là 03 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 126 người).

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Áp dụng chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

#### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (20.828 VND/USD). Cuối kỳ, Công ty không đánh giá lại chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày lập bảng cân đối kế toán (21.125 VND/USD)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dự các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

#### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.6 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

### 3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

#### Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.10 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

### 3.11 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí này được phân bổ không quá 3 năm.

### 3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/ (giảm) do phát hành cổ phiếu cao/ (thấp) hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 3.15 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

### 3.17 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh và được trình bày tại thuyết minh 5.1 và 5.2.

### 3.18 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	Việt Nam	Công ty con
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH liên doanh APM-Saigon shipping Company	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Việt Nam	Công ty liên kết

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	617.624.965	54.484.578
Tiền gửi ngân hàng - VND	3.955.858.886	824.522.138
Tiền gửi ngân hàng - USD	855.476.172	81.413.016
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	-
	<b>15.428.960.023</b>	<b>960.419.732</b>

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 41.333,39 USD.

**4.2 Các khoản phải thu thương mại**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Thương mại Hướng Dương VN	2.183.537.002	-
Amira Pure Foods Private Ltd, New Delhi India	1.943.698.680	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.907.568.946	1.472.372.872
Chi nhánh công ty CP Kho vận Giao nhận Ngoại Thương TPHCM tại Hà Nội	1.501.418.835	1.396.421.867
Công ty TNHH Vận tải KAS Hà Nội	1.081.986.670	327.970.472
Công ty TNHH Korea Express Logistics	952.502.346	838.653.967
Công ty TNHH Vận tải Hà Việt	952.186.502	182.017.034
Công ty TNHH Quang Thuận	808.000.000	808.000.000
Công ty TNHH Hyundai Vinatrans Logictics	739.047.979	-
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	393.800.300	-
Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải Quốc Tế	340.138.537	-
Công ty TNHH Hàng Hải Biển Vàng	337.143.197	209.964.609
Công ty TNHH DV VT TM Vũ Long	238.874.000	131.554.000
Công ty TNHH PCF Việt Nam	231.300.000	72.900.000
Doosan Corporation Glote	229.299.155	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nhật Phương	220.662.000	170.452.000
Công ty TNHH Minh Hiền	209.535.000	249.882.000
Công ty CP Thủy sản Việt Thắng	192.738.326	72.466.498
CN Công ty TNHH MTV Dịch vụ Komet tại Hà Nội	174.666.024	-
Công ty TNHH LD GN KV Bình Minh	129.648.367	42.851.675
DNTN Vận tải Hiệp Lợi Phát	128.285.000	-
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	95.047.786	322.209.566
Maraqva Shipping Pvt Ltd	-	264.468.529
Công ty TNHH DV Vận tải Bảo Bình Phát	-	215.197.600
Công ty TNHH GN Hoa San Vina tại Hà Nội	10.901.600	200.625.783
DNTN Nhất Duy	21.805.008	170.816.931
Các khách hàng khác	991.610.088	1.027.167.786
	<b>16.015.401.348</b>	<b>8.175.993.189</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
 Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**4.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả cung cấp dịch vụ vận tải Bộ Công ty TNHH MTV Đông tàu & CNHH Sài Gòn	142.834.428	-
Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Biển Việt	-	200.000.000
Indus Shipping Agency Pvt Ltd	-	130.293.982
Công ty TNHH TM DV SC tàu biển Viễn Hùng	-	121.797.000
Công ty TNHH Tuấn Nguyệt	-	117.000.000
Công ty TNHH Liêm và Cộng sự	90.000.000	90.000.000
Oriental Exim Agency	67.326.800	-
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Hoàng Quân	62.421.469	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Nhật Quang	-	62.000.000
Công ty TNHH Nam Biển Nam	-	60.700.000
Rajah & Tann LLP Clients	-	55.000.000
Cảng Sài Gòn	48.614.218	48.614.218
Các nhà cung cấp khác	42.598.869	-
	78.761.402	116.638.834
	<b>532.557.186</b>	<b>1.002.044.034</b>

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền bán cổ phần cho CBCNV Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	321.614.714	321.614.714
Công nợ phải thu chờ xử lý	5.849.054.747 (*)	5.849.054.747
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.555.209.374 (*)	1.555.209.374
Lãi liên doanh phải thu	102.585.878	19.649.441
Phải thu khác	-	592.722.765
	324.833.482	246.493.482
	<b>8.153.298.195</b>	<b>8.584.744.523</b>

(\*) Công nợ đã được lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

**4.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhiên liệu	2.411.220.810	2.225.412.326
Công cụ, dụng cụ	7.770.000	7.770.000
	<b>2.418.990.810</b>	<b>2.233.182.326</b>

**4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí chờ kết chuyển tàu Saigon Queen	3.781.636.233 (**)	5.552.727.857
Chi phí tàu Saigon Princess	431.697.199	959.298.955
Chi phí tàu Long Phú I & II	1.104.063.525	792.694.857
Chi phí sửa chữa - văn phòng	-	35.375.000
Chi phí trả trước khác	357.148.721	278.458.514
	<b>5.674.545.678</b>	<b>7.618.555.183</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(\*\*) Chi phí chờ kết chuyển tàu Saigon Queen bao gồm:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa	691.775.478	2.462.867.102
Nhiên liệu còn lại trên tàu	2.804.842.615	2.804.842.615
Tạm ứng cho thuyền trưởng	285.018.140	285.018.140
	<b>3.781.636.233</b>	<b>5.552.727.857</b>

**4.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	622.400.667	1.046.840.382
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
	<b>628.400.667</b>	<b>1.052.840.382</b>

**4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2013	12.978.239.825	2.279.782.155	345.546.477.491	1.007.900.567	361.812.400.038
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(293.690.952)	-	(293.690.952)
Giảm khác (*)	-	-	(48.158.000.000)	(448.442.777)	(48.606.442.777)
Vào ngày 30/06/2013	<b>12.978.239.825</b>	<b>2.279.782.155</b>	<b>297.094.786.539</b>	<b>559.457.790</b>	<b>312.912.266.309</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2013	7.998.207.418	1.721.090.348	82.968.265.783	961.694.050	93.649.257.599
Khấu hao trong kỳ	472.829.112	116.053.608	4.757.106.536	9.635.154	5.355.624.410
Thanh lý	-	-	(293.690.952)	-	(293.690.952)
Giảm khác	-	-	-	(441.121.414)	(441.121.414)
Vào ngày 30/06/2013	<b>8.471.036.530</b>	<b>1.837.143.956</b>	<b>87.431.681.367</b>	<b>530.207.790</b>	<b>98.270.069.643</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2013	4.980.032.407	558.691.807	262.578.211.708	46.206.517	268.163.142.439
Vào ngày 30/06/2013	<b>4.507.203.295</b>	<b>442.638.199</b>	<b>209.663.105.172 (**)</b>	<b>29.250.000</b>	<b>214.642.196.666</b>

(\*) Giảm một phần nguyên giá của tàu Sài Gòn Queen do tai nạn chìm tàu.

(\*\*) Tàu Sài Gòn Queen và tàu Sài Gòn Princess đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Sở Giao dịch II- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, công ty đã thông qua phương án bán hai tàu biển (Sài Gòn Queen 6500 DWT và Sài Gòn Princess 6800 DWT) và hai tàu sông (tàu Long Phú 1 và Long Phú 2).

Theo thông báo số 300/SSC-TBi ngày 31 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn tuyên bố tàu Sài Gòn Queen đã bị chìm tại khu vực phía Đông của Sri Lanka lúc 10 giờ 30 (địa phương) ngày 30 tháng 10 năm 2012; đồng thời, tuyên bố tổn thất toàn bộ đối với tàu Saigon Queen kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2012 và chuyển giao quyền cho Công ty Bảo Việt Sài Gòn xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Tổng số tiền bảo hiểm theo đơn bảo hiểm thân tàu số HCM.D40.TB.12.HD ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Hợp đồng bảo hiểm tàu biển số 40.0310.009/HĐ/BHTB.2005 ngày 16 tháng 12 năm 2005 là 4.200.000,00 USD. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty Bảo Việt Sài Gòn đã bồi thường cho Công ty 2 đợt với số tiền là 2.300.000,00 USD.

Tuy nhiên theo thực tế đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty vẫn chưa ghi nhận hết tổn thất tàu Saigon Queen với giá trị còn lại và một số chi phí khác ước tính là 28.211.590.575 VND do chưa quyết toán tiền bồi thường bảo hiểm vì đang chờ xác định giá trị thực tế của tàu với Công ty Bảo Việt Sài Gòn.

Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Thời gian sử dụng hữu ích ước tính	Khấu hao lũy kế (VND)	Tạm kết chuyển sang chi phí khác	Giá trị còn lại (VND)
Tàu Sài Gòn Queen	116.777.196.770	21 năm	44.189.242.428	48.158.000.000	24.429.954.342
Tàu Sài Gòn Princess	204.217.835.623	25 năm	29.257.676.384	-	174.960.159.239
Tàu Long Phú 1	7.304.746.282	15 năm	2.708.304.623	-	4.596.441.659
Tàu Long Phú 2	7.295.598.379	15 năm	2.700.941.819	-	4.594.656.560

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là: 7.891.862.340 VND.

#### 4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2013	4.417.020.968	138.242.108	4.555.263.076
Tăng trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30/06/2013	4.417.020.968	138.242.108	<b>4.555.263.076</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2013	1.898.154.547	138.242.108	2.036.396.655
Khấu hao trong kỳ	46.332.390	-	46.332.390
Vào ngày 30/06/2013	1.944.486.937	138.242.108	<b>2.082.729.045</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2013	2.518.866.421	-	2.518.866.421
Vào ngày 30/06/2013	2.472.534.031	-	<b>2.472.534.031</b>

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Công trình mở rộng trung tâm kho vận	7.775.250.511	-	-	7.775.250.511
Công trình đóng mới 2 tàu sông	13.931.780.595	37.625.000	-	13.969.405.595
	<b>21.707.031.106</b>	<b>37.625.000</b>		<b>21.744.656.106</b>

Riêng công trình đóng mới 2 tàu sông, Công ty đã không tiếp tục đầu tư như dự kiến ban đầu, chi tiết chi phí đã phát sinh cho dự án này như sau:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thiết kế, lập hồ sơ mời thầu	333.401.819	333.401.819
Chi phí mua 2 máy chính YANMAR 600 HP	11.412.518.778	11.412.518.778
Chi phí lãi vay	2.223.484.998	2.185.859.998
	<b>13.969.405.595</b>	<b>13.931.780.595</b>

Theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thống nhất bán 2 máy chính YANMAR 600 HP. Đồng thời, theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 11 năm 2012, Công ty đã thống nhất cầm cố 2 bộ máy YANMAR 600 HP để giãn nợ 10 tỷ đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho Công ty TNHH MTV Ba Sơn (xem 4.18).

**4.11 Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2013	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Tăng trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30/06/2013	8.992.704.000	17.970.151.342	<b>26.962.855.342</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2013	3.571.657.246	10.628.023.008	14.199.680.254
Khấu hao trong kỳ	97.340.988	559.287.870	656.628.858
Vào ngày 30/06/2013	3.668.998.234	11.187.310.878	<b>14.856.309.112</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2013	5.421.046.754	7.342.128.334	12.763.175.088
Vào ngày 30/06/2013	5.323.705.766	6.782.840.464	<b>12.106.546.230</b>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là: 637.015.000 VND.

**4.12 Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	9.050.000.000	9.050.000.000
	<b>9.050.000.000</b>	<b>9.050.000.000</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0401358956 ngày 21 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và đăng ký thay đổi ngày 3 tháng 11 năm 2010, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng là 9.000.000.000 VND, tương đương 56,13% vốn điều lệ. Vốn góp thực tế của Công ty đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 9.050.000.000 VND, tương đương 56,56% trên tổng vốn góp.

**4.13 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn (i)	18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH APM-Saigon Shipping (ii)	8.947.527.687	8.947.527.687
Công ty TNHH Korea Express Logistics (iii)	6.827.691.983	6.827.691.983
CTY TNHH LD Giao nhận kho vận Bình Minh (iv)	33.600.000.000	33.600.000.000
	<b>68.359.154.439</b>	<b>68.359.154.439</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 2 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn là 1.224.000 USD, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn đang trong quá trình thanh lý giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 ngày 8 tháng 8 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping là 250.000 USD, tương đương 25% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Đến ngày 23 tháng 9 năm 2011, Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 hết hạn. Theo Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 5 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ, Công ty phải nắm giữ ít nhất 49% vốn pháp định. Hai bên đối tác đã thống nhất lập hồ sơ xin gia hạn Liên doanh không dưới 05 năm, tăng vốn của Công ty lên 490.000,00 USD, tương đương 49% vốn điều lệ bằng tiền chia lãi năm 2011 của Liên doanh cho Công ty theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23 tháng 9 năm 2011.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000270 ngày 4 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 9 tháng 2 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Korea Express Logistics là 540.000 USD, tương đương 33,75% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2012 ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về thoái phần vốn góp 33,75% trong Công ty TNHH Korea Express Logistics. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 Nghị quyết này vẫn chưa được thực hiện.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000401 ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 6 năm 2009, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh là 33.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

004489  
 CÔNG T  
 NHẬN H  
 TẾM TỐA  
 VIỆT N  
 TP. HỒ C



**4.14 Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP TM DV Quảng Trường Quốc Tế	6.000.000.000	6.000.000.000
	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308976796 ngày 8 tháng 6 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 3 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế là 12.000.000.000 VND, tương đương với 4% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã góp được 6.000.000.000 VND.

**4.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số đầu kỳ VND	Trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Sài Gòn (*)	18.983.934.769	-	18.983.934.769
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng (Công ty con)	837.628.123	-	837.628.123
	<u>19.821.562.892</u>	<u>-</u>	<u>19.821.562.892</u>

(\*) Công ty lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Sài Gòn do Công ty này đang trong quá trình thanh lý giải thể.

**4.16 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thiết bị quản lý không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định	30.654.695	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Sài Gòn Princess	4.357.796.939 (*)	-
	<u>4.388.451.634</u>	<u>-</u>

(\*) Chi tiết chi phí sửa chữa lớn tàu Sài Gòn Princess trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	4.501.314.666	-
Kết chuyển từ 142 sang	945.931.505	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.089.449.232)	-
Số dư cuối kỳ	<u>4.357.796.939</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**4.17 Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn - VND	-	3.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - VND	-	11.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả - USD	(a) 1.449.580.045	2.499.360.000
	<b>1.449.580.045</b>	<b>17.499.360.000</b>

(a) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh 4.24a).

**4.18 Phải trả người bán**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH MTV Ba Son (*)	10.000.000.000 (a)	10.000.000.000
Ocean Energy Ltd	2.365.402.463	1.087.900.383
Bridge Oil	-	2.349.418.812
Công ty TNHH MTV đóng tàu & CNHH Sài Gòn	1.071.216.442	200.000.000
Công ty TNHH MTV CN tàu thủy Soài Rạp (*)	875.000.000 (b)	875.000.000
Công ty TNHH Xuân Lâm	820.000.000	1.266.000.000
Công ty TNHH Castrol Việt Nam	-	614.916.835
Công ty CP Đại lý Hàng hải VN tại Quảng Ninh	823.892.014	523.568.243
Công ty TNHH TM DV SC tàu biển Viễn Hùng	739.287.270	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây lắp 19-5	654.940.000	-
Công ty TNHH Vận tải Hiến Vinh	645.043.328	-
Công ty TNHH VT Hoàng Đạt	471.000.000	-
Công ty TNHH TM & DV Hàng hải Minh Dương	441.519.858	-
Công ty CP Saigon S.H.I.P Đà Nẵng	367.627.234	229.770.378
Công ty hoa tiêu khu vực II	354.183.470	356.318.340
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Long Giang	337.275.000	-
Cảng Quy Nhơn	303.960.085	-
Công ty TNHH Vận tải Long Tiến	196.240.000	-
Công ty TNHH TM DV KT Hàng hải Hoàng Phát	193.050.000	267.839.000
Cảng vụ Hải Phòng	191.068.999	191.069.001
Công ty TNHH Vận tải Duy Chính	188.985.000	192.105.000
Công ty TNHH Cường Thịnh Phát	149.380.001	156.255.001
Công ty Bảo Việt Tp. Hồ Chí Minh	-	356.733.118
Công ty TNHH TM vận tải Tín Đạt	59.436.000	257.780.000
Công ty CP Bông Sen Vàng	71.751.669	388.147.461
Các nhà cung cấp khác	1.921.484.548	2.296.819.083
	<b>23.241.743.381</b>	<b>21.609.640.655</b>

(\*) Các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán.

(a) Khoản nợ phải trả để đóng mới tàu Sài Gòn Princess.

(b) Khoản nợ phải trả để mua 2 máy chính YANMAR 600 HP cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).

**4.19 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Người mua trả trước cước vận chuyển	237.368.282	504.964.563
Các khách hàng khác	19.349.467	21.712.835
	<b>256.717.749</b>	<b>526.677.398</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN SÀI GÒN  
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**4.20 Thuế**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ	196.607.994	159.393.609
	<b>196.607.994</b>	<b>159.393.609</b>

**Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.476.500	24.476.500
Thuế khác	6.499.576	6.499.576
	<b>30.976.076</b>	<b>30.976.076</b>

**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	152.877.703	51.611.667
Thuế thu nhập cá nhân	27.885.383	91.541.005
Thuế nhà thầu nộp hộ	454.333.509	406.842.709
	<b>635.096.595</b>	<b>549.995.381</b>

**4.21 Chi phí phải trả**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí lãi vay	19.761.197.767	15.995.844.591
Chi phí khác	-	674.598
	<b>19.761.197.767</b>	<b>15.996.519.189</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, chi phí lãi vay phải trả có gốc ngoại tệ là 946.521,06 USD tương đương 19.742.587.651 VND.

**4.22 Phải trả khác**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	308.228.048	374.883.729
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp	18.573.297	30.244.964
Phải trả cổ phần hóa	3.197.058.734	3.197.058.734
Cổ tức phải trả	4.676.925.940	5.122.519.940
Công ty CP TMDV Quảng Trường Quốc Tế	5.200.000.000 (*)	5.200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	177.395.400	177.395.400
Các khoản phải trả khác	112.376.571	956.550.997
	<b>13.690.557.990</b>	<b>15.058.653.764</b>

(\*) Đây là khoản hỗ trợ vốn có hoàn lại, không tính lãi suất, kỳ hạn trả nợ được gia hạn đến ngày 19 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

**4.23 Quý khen thưởng, phúc lợi**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Năm 2012 VND
Số đầu năm /kỳ	-	-
Trích lập quỹ trong năm/ kỳ	277.000.000	200.000.000
Sử dụng quỹ trong năm/ kỳ	(64.700.000)	(200.000.000)
Số cuối năm /kỳ	<u>212.300.000</u>	<u>-</u>

**4.24 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay và nợ dài hạn - VND	-	19.925.570.000
Vay và nợ dài hạn - USD	(a) <u>177.954.276.188</u>	<u>177.954.276.188</u>
	<u>177.954.276.188</u>	<u>197.879.846.188</u>

(a) Vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (VIB) theo hợp đồng tín dụng số 0002/HĐTD2- VIB625/08 ngày 11 tháng 01 năm 2008, và phụ lục hợp đồng số 0002.1/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 23 tháng 06 năm 2008, 0002.2/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 04 tháng 08 năm 2008, 0002.3/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 11 tháng 08 năm 2008, 0002.4/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 19 tháng 05 năm 2009, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 6 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 06 tháng USD của VIB +2,2%/năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư đóng mới tàu Sài Gòn Princess và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn có gốc ngoại tệ được chi tiết như sau:

	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương (VND)
Nợ dài hạn đến hạn trả	69.853,51	1.449.580.045
Vay dài hạn	8.543.996,00	177.954.276.188
	<u>8.613.849,51</u>	<u>179.403.856.233</u>

**4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, chi tiết phát sinh như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm/ kỳ	8.127.991.063	6.076.661.668
Phát sinh trong năm/ kỳ	-	2.051.329.395
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối năm/kỳ	<u>8.127.991.063</u>	<u>8.127.991.063</u>

004489  
CÔNG T  
NHIỆM N  
HỆM TOA  
VIỆT N  
TP. HỒ C

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 4.26 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(41.568.171.775)	128.968.585.222
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(15.044.514.693)	(15.044.514.693)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(274.000.000)	(274.000.000)
Số dư cuối năm trước	<b>144.200.000.000</b>	<b>11.436.551.000</b>	<b>13.590.599.950</b>	<b>1.309.606.047</b>	<b>(57.086.686.468)</b>	<b>113.450.070.529</b>
Số dư đầu năm nay	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(57.086.686.468)	113.450.070.529
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	1.162.526.627	1.162.526.627
Trích lập quỹ KTPL	-	-	-	-	(277.000.000)	(277.000.000)
Số dư cuối kỳ	<b>144.200.000.000</b>	<b>11.436.551.000</b>	<b>13.590.599.950</b>	<b>1.309.606.047</b>	<b>(56.201.159.841)</b>	<b>114.335.597.156</b>

#### Cổ phiếu

	30/06/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu khai thác tàu biển	28.903.379.885	60.695.400.717
Doanh thu khai thác tàu sông	580.781.817	2.113.827.275
Doanh thu dịch vụ hàng hải	24.425.546.804	13.591.770.760
Doanh thu dịch vụ kho vận	7.585.148.980	7.013.130.118
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.276.244.400	1.198.371.205
Doanh thu cho thuê thuyền viên	-	198.000.000
Doanh thu khác	-	937.182
	<b>62.771.101.886</b>	<b>84.811.437.257</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>62.771.101.886</b>	<b>84.811.437.257</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN  
Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

<b>5.2 Giá vốn hàng bán</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Giá vốn khai thác tàu biển	32.198.118.052	63.050.217.525
Giá vốn khai thác tàu sông	1.733.506.143	2.417.380.961
Giá vốn dịch vụ hàng hải	23.032.266.821	12.656.448.227
Giá vốn dịch vụ kho vận	2.320.896.777	2.923.412.169
Giá vốn cho thuê văn phòng	127.658.680	-
Giá vốn cho thuê thuyền viên	-	184.000.000
	<b><u>59.412.446.473</u></b>	<b><u>81.231.458.882</u></b>
<b>5.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	93.184.152	13.987.636
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.802.004.788	1.472.094.506
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.445.164	71.484.648
	<b><u>5.909.634.104</u></b>	<b><u>1.557.566.790</u></b>
<b>5.4 Chi phí tài chính</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Chi phí lãi vay	5.031.965.087	9.073.791.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.902.242	161.700.975
	<b><u>5.037.867.329</u></b>	<b><u>9.235.492.390</u></b>
<b>5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Chi phí nhân viên	1.634.934.160	1.602.598.076
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.751.377	119.767.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.298.631	216.378.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.549.339	1.016.951.368
Chi phí khác	118.281.872	746.624.540
	<b><u>2.748.815.379</u></b>	<b><u>3.702.319.948</u></b>
<b>5.6 Thu nhập khác</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	400.000	1.200.000
Thu tiền bảo hiểm bồi thường tàu SG Queen (*)	48.158.000.000	-
Các khoản khác	30.943.123	1.511.257
	<b><u>48.189.343.123</u></b>	<b><u>2.711.257</u></b>

(\*) Tương đương 2.300.000,00 USD.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 5.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí điều tra tai nạn Saigon Queen	145.066.767	-
Tạm kết chuyển một phần giá trị còn lại tàu Sài Gòn Queen (**)	48.158.000.000	-
Trợ cấp thời việc cho người lao động	-	78.925.000
Các khoản khác	205.356.538	103.970.580
	<b>48.508.423.305</b>	<b>182.895.580</b>

(\*\*) Công ty tạm kết chuyển một phần giá trị còn lại của tàu Sài Gòn Queen bằng với số tiền bảo hiểm bồi thường đợt 1 và đợt 2 là 48.158.000.000 VND (như thuyết minh tại 5.6) do giữa Công ty và Công ty Bảo Việt Sài Gòn chưa quyết toán chính thức số tiền bảo hiểm được bồi thường vì đang chờ xác định giá trị thực tế tàu Sài Gòn Queen.

### 5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.042.166.210	28.125.828.992
Chi phí nhân công	6.705.277.420	9.069.294.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.060.252.326	9.096.779.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.043.309.795	30.987.580.281
Chi phí khác	2.310.256.101	7.654.295.048
	<b>62.161.261.852</b>	<b>84.933.778.830</b>

## 6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh (chi tiết xem 5.1 và 5.2).

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

## 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### 7.1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Các công cụ tài chính bao gồm:

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				VND Giá trị hợp lý	
	30/06/2013		01/01/2013		30/06/2013	01/01/2013
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.428.960.023	-	960.419.732	-	15.428.960.023	960.419.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.405.350.067	(7.456.341.104)	17.170.058.981	(7.456.341.104)	16.949.008.963	9.713.717.877
Đầu tư tài chính	6.000.000.000	-	592.722.765	-	63.587.591.547	592.722.765
	<b>45.834.310.090</b>	<b>(7.456.341.104)</b>	<b>18.723.201.478</b>	<b>(7.456.341.104)</b>	<b>95.965.560.533</b>	<b>11.266.860.374</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Các khoản vay	179.403.856.233	-	215.379.206.188	-	179.403.856.233	215.379.206.188
Phải trả người bán	23.498.461.130	-	21.609.640.655	-	23.498.461.130	21.609.640.655
Chi phí phải trả và phải trả khác	29.927.895.678	-	31.032.709.899	-	29.927.895.678	27.452.985.526
	<b>232.830.213.041</b>	<b>-</b>	<b>268.021.556.742</b>	<b>-</b>	<b>232.830.213.041</b>	<b>264.968.509.769</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.



**8. THÔNG TIN KHÁC**

**8.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ tài chính có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Vay	2.000.000.000
	Trả nợ vay	3.600.000.000
	Doanh thu Cung cấp dịch vụ	510.611.725
	Trả nợ cổ tức	441.680.000
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	831.240.000
	Doanh thu dịch vụ giao nhận	6.189.932.555
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	Mua dịch vụ	161.968.726
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	2.337.516.400
	Doanh thu dịch vụ giao nhận	218.556.382

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư các khoản phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Phải trả lãi vay	(81.616.193)
	Phải trả cổ tức	(2.500.000.000)
	Phải trả cổ phần hóa	(3.197.058.734)
	Phải thu phí dịch vụ	95.047.786
Công ty cổ phần Sài Gòn S.H.I.P Đà Nẵng	Phải trả phí dịch vụ	(367.627.234)
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Phải thu phí dịch vụ	952.502.346
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Phải thu phí dịch vụ	129.648.367

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tiền lương	641.123.803	788.440.000
Phụ cấp	65.000.000	67.000.000
	<b>706.123.803</b>	<b>855.440.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

### 8.2. Tiền thuê đất

Công ty đang sử dụng khu đất tại số 09 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 574 m<sup>2</sup>, trên cơ sở Quyết định số 3501/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, Công ty chưa có hợp đồng thuê đất, nên chưa ước tính được tiền thuê đất phải trả cho việc sử dụng khu đất này.

Công ty chưa ghi nhận tiền thuê đất tạm tính từ năm 2011 đến kỳ 1 của năm 2013 đối với khu đất phường Linh Xuân, quận Thủ Đức với số tiền là 1.300.768.074 VND (theo Tờ trình của Chi cục thuế quận Thủ Đức ngày 8 tháng 5 năm 2013) do đang chờ Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến về đơn giá thuê đất.

### 8.3. Các khoản cam kết

Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 đồng (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh).

### 8.4. Sự kiện sau niên độ

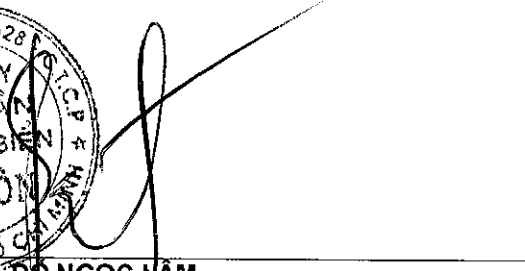
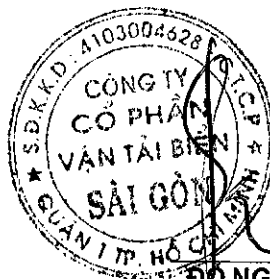
Tháng 7 năm 2013, trong khi chờ xác định giá trị thực tế tàu Sài Gòn Queen, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Sài Gòn tạm ứng bồi thường đợt III cho Công ty với trị giá 1.000.000,00 USD theo biên bản bồi thường ngày 03 tháng 07 năm 2013.

### 8.5. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 20.139.197.738 VND. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết có nguồn tài trợ tài chính thích hợp để trả nợ đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.



**NGÔ HỒNG VÂN**  
Phó phòng Tài chính Đầu tư



**ĐỖ NGỌC LÂM**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2013